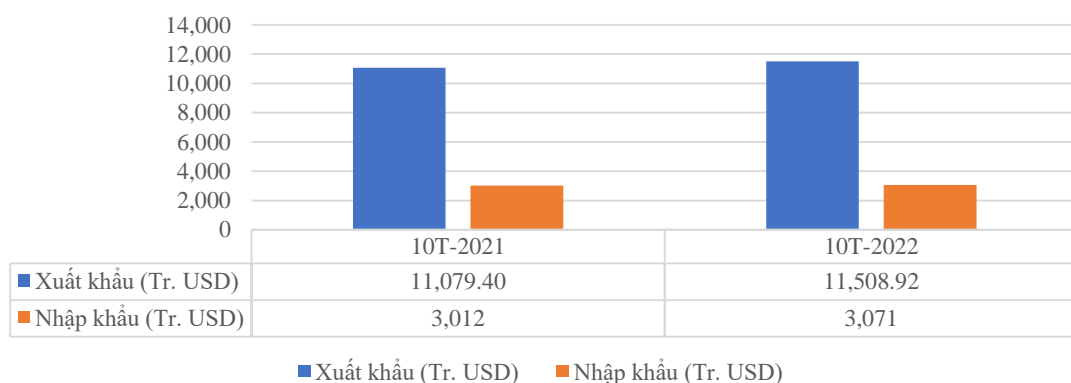


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HOA KỲ



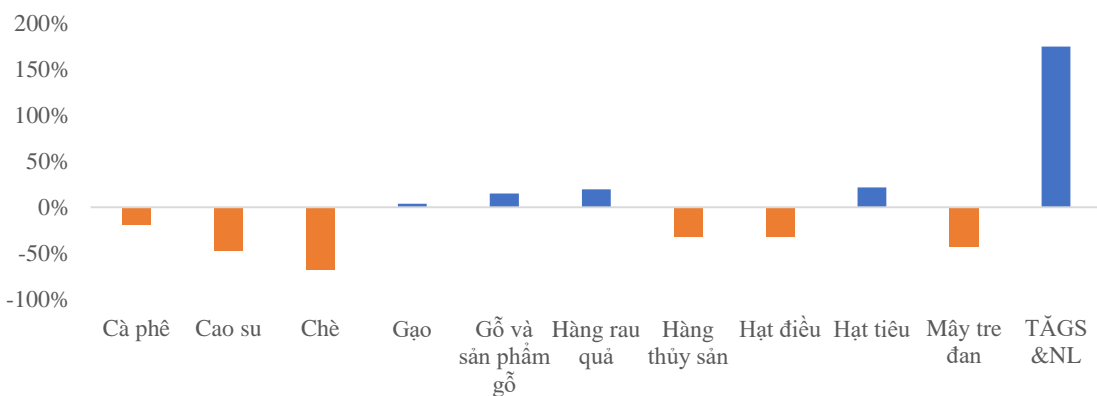
Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



### So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (10T – 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 3,9%
- Nhập khẩu ▲ 2,0%

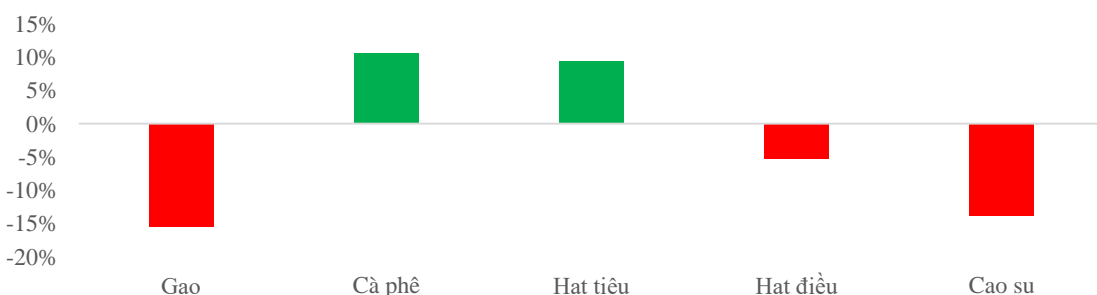
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 10T-2022 so với 10T-2021



### So sánh 10T-2022/2021

- Cà phê ▼ 19,1%
- Cao su ▼ 47,0%
- Chè ▼ 67,9%
- Gạo ▲ 4,00%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 15,2%
- Rau quả ▲ 19,4%
- Thủy sản ▼ 31,3%
- Hạt điều ▼ 31,9%
- Hạt tiêu ▲ 21,8%
- Mây tre đan ▼ 42,1%
- TĂGS và NL ▲ 174,3%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T10/2022 so với T10/2021



### So sánh giá xuất khẩu bình quân T10-2022/2021

- Gạo ▼ 15,5%
- Cà phê ▲ 10,6%
- Hạt tiêu ▲ 9,4%
- Hạt điều ▼ 5,3%
- Cao su ▼ 13,8%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo báo cáo dự báo thị trường nông sản của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), số phát hành tháng 11/2022, xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ trong năm tài chính 2023 dự tính đạt 190 tỷ USD, giảm 3,5 tỷ USD so với dự báo được đưa ra hồi tháng 8. Sự sụt giảm chủ yếu do giảm xuất khẩu của đậu nành, bông và ngô. Ngược lại, xuất khẩu gia súc, gia cầm và sữa được dự báo sẽ tăng thêm 300 triệu USD lên 41,4 tỷ USD, do xuất khẩu thịt bò, gia cầm và các loại thịt tăng nhiều hơn sẽ bù đắp cho sự sụt giảm của thịt lợn và sữa.

Nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ trong năm tài chính 2023 được dự báo ở mức 199,0 tỷ USD, cao hơn 5,0 tỷ USD so với mức 194,0 tỷ USD được ghi nhận cho năm tài chính 2022 và cao hơn 2,0 tỷ USD so với dự báo tháng 8. Đồng USD mạnh làm cho hàng nông sản nhập khẩu có giá khá phải chăng đối với thị trường nội địa Hoa Kỳ và giải thích một phần áp lực tăng vừa phải đối với lượng nhập khẩu. Tuy nhiên, áp lực gia tăng đối với hàng nhập khẩu của Hoa Kỳ dự kiến sẽ được giảm bớt do nền kinh tế nước này dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại cùng với lạm phát tiếp tục, sẽ làm giảm nhu cầu trong nước đối với hàng tiêu dùng cũng như các sản phẩm nông nghiệp. Mặc dù các sản phẩm nông nghiệp sẽ ít bị ảnh hưởng bởi những yếu tố này do người tiêu dùng Hoa Kỳ vẫn ưu tiên tiêu dùng thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác hơn, nhưng vẫn có thể có một số tác động đến nhu cầu nhập khẩu nông sản của nước này.

Bên cạnh đó, theo Cục Dự trữ Liên bang (Fed), nền kinh tế Hoa Kỳ đã tăng trưởng nhẹ cho đến đầu tháng 10, các hoạt động chậm lại làm gia tăng lo ngại suy thoái trong bối cảnh có một số dấu hiệu áp lực lạm phát giảm bớt. Dự báo Chính phủ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục áp dụng nhiều biện pháp kiểm soát lạm phát, bảo hộ sản xuất trong nước, đồng thời, gây sức ép mở cửa các thị trường xuất khẩu... Điều này khiến xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này sẽ gặp khó hơn trong thời gian tới.

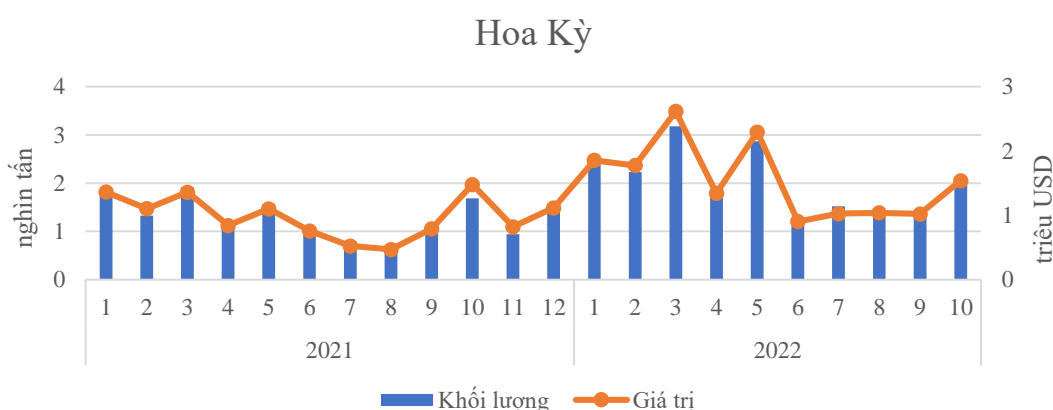
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 10 tháng đầu năm 2022, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 11,08 tỷ USD, chiếm 25% kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng NLTS của cả nước, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2021, tăng 5,7% so với 9 tháng đầu năm 2022. Trong tháng 10/2022, một số mặt hàng xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam sang Hoa Kỳ là gỗ và các sản phẩm gỗ (*chiếm 63,7%*), thủy sản (*16,1%*), hạt điều (*7,6%*). So với tháng 9/2022, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đều tăng như gạo (tăng 50,6%), hạt điều (tăng 18,1%), hạt tiêu (tăng 18%), rau quả (tăng 16,6%), cà phê (tăng 14,9%),.... Ngược lại chỉ có mặt hàng chè và nhóm sản phẩm thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm mạnh, lần lượt giảm 36,8% và 29,4% (*Chi tiết tại phụ lục đính kèm*).

## CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

### 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2022, Việt Nam xuất khẩu được 2,1 nghìn tấn gạo, trị giá 1,5 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 48,0% về khối lượng và 50,6% về giá trị so với tháng trước; và tăng 23,0% về khối lượng và 4,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2022 đạt 20,2 nghìn tấn, trị giá 15,4 triệu USD, tăng 57,0% về khối lượng và 57,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

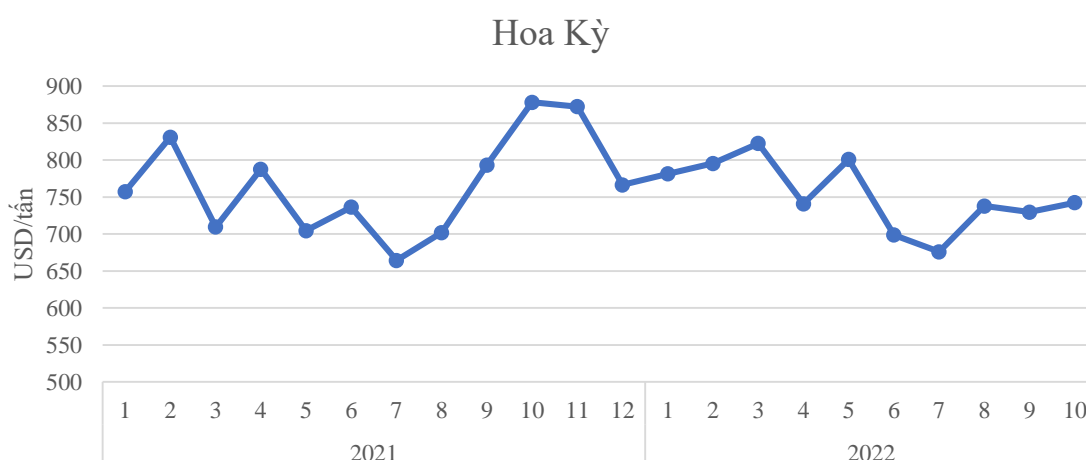
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10/2022 đạt 742,4 USD/tấn, tăng 1,8% so với tháng trước nhưng giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2021.

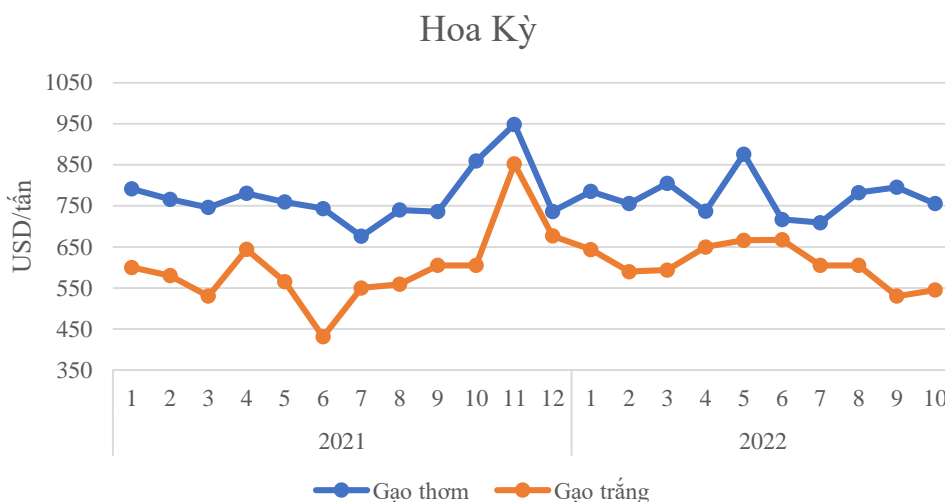
**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 10/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 0,9 nghìn tấn, trị giá 1,1 triệu USD (chiếm 54,2% về khối lượng và 56,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã giảm 19,5% về khối lượng và 31,2% về giá trị. Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 10/2022 đạt trung bình 755,8 USD/tấn, giảm 5,0% so với tháng trước và 12,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ**

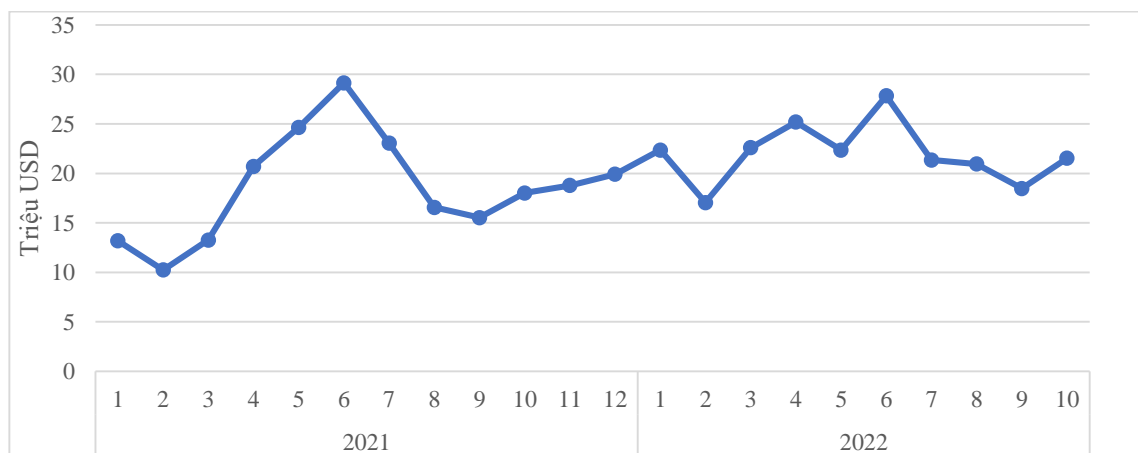


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10 năm 2022 đạt 21,5 triệu USD, chiếm 7,0% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 16,6% so với tháng trước và tăng 19,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 10 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 219,0 triệu USD, chiếm 8,0% thị phần, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ**

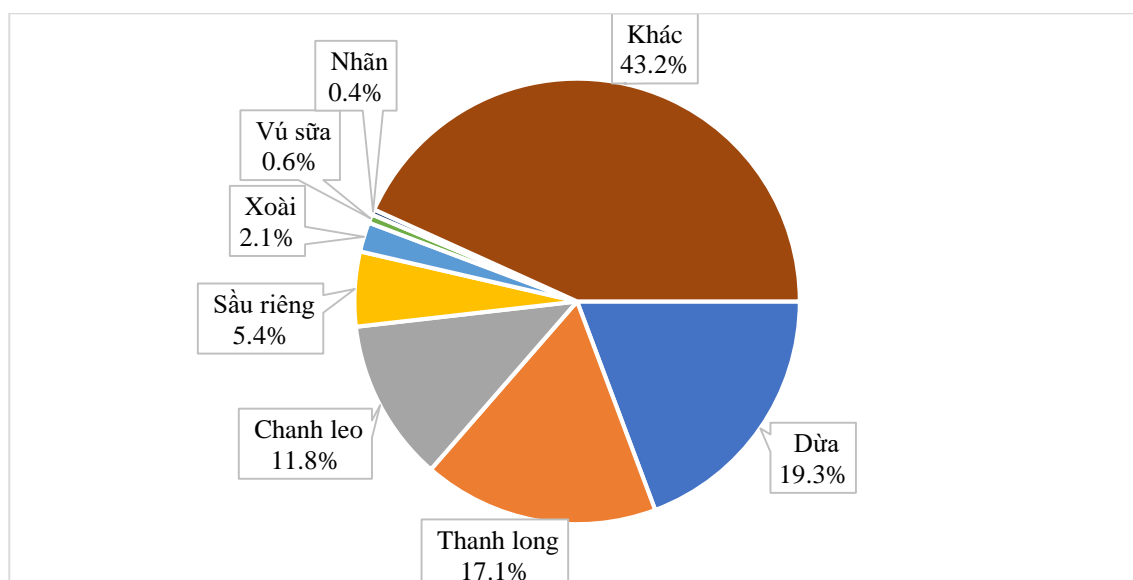


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 10 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,2 triệu USD (chiếm 38,0% thị phần, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 13,3 triệu USD (chiếm 62,0% thị phần), tăng 35,9%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 7,7 triệu USD, tăng 226,7% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,3 triệu USD (giảm 31,0%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,2 triệu USD (giảm 21,3 %); v.v.

Trong tháng 10 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 4,2 triệu USD (chiếm 19,3% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 99,4% so với cùng kỳ năm 2021; thanh long đạt 3,7 triệu USD (chiếm 17,1%), tăng 37,5%; chanh leo đạt 2,5 triệu USD (chiếm 11,8%), tăng 838,2%; sầu riêng đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,4%), giảm 54,5%;

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10 năm 2022**



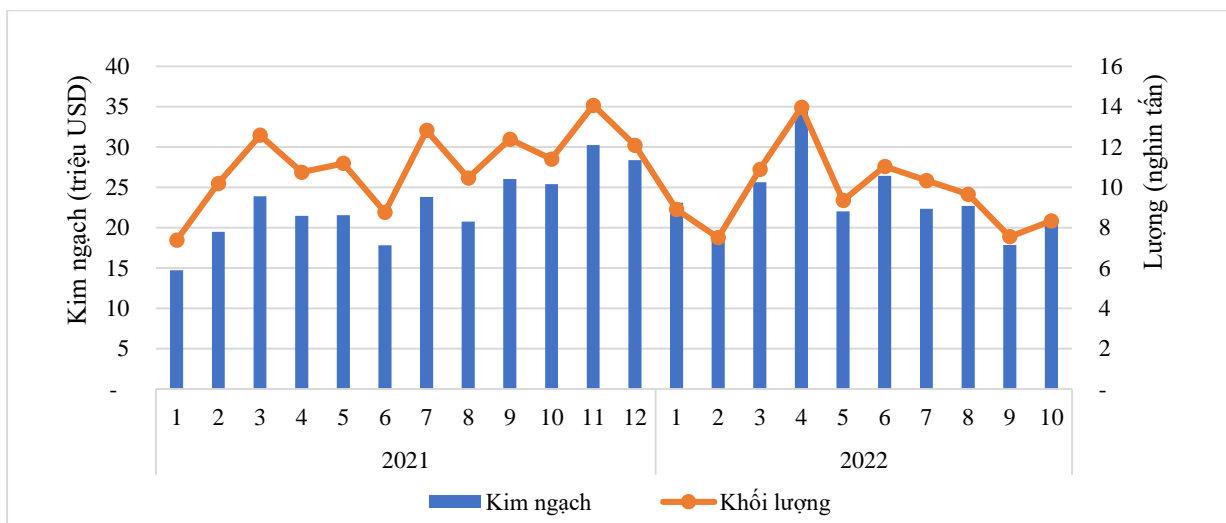
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 10 năm 2022 đạt 34,8 triệu USD, chiếm 16,2% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 50,0% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 280,0 triệu USD, chiếm 16,7% thị phần, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 10/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 17,5 triệu USD, chiếm 50,3% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 153,5% so với cùng kỳ năm 2021; nho đạt 8,7 triệu USD (chiếm 25,0%), tăng 12,4%; hạnh nhân đạt 4,6 triệu USD (chiếm 13,1%), tăng 13,3%; táo đạt gần 2,0 triệu USD (chiếm 5,7%), tăng 20,5%; khoai tây đạt 1,3 triệu USD (chiếm 3,8%), tăng 14,7%; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 10/2022 ước đạt 8,3 nghìn tấn với trị giá 20,5 triệu USD, tăng 10,4% về khối lượng và 14,9% về giá trị so với tháng trước, và giảm 26,9% về khối lượng và 19,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

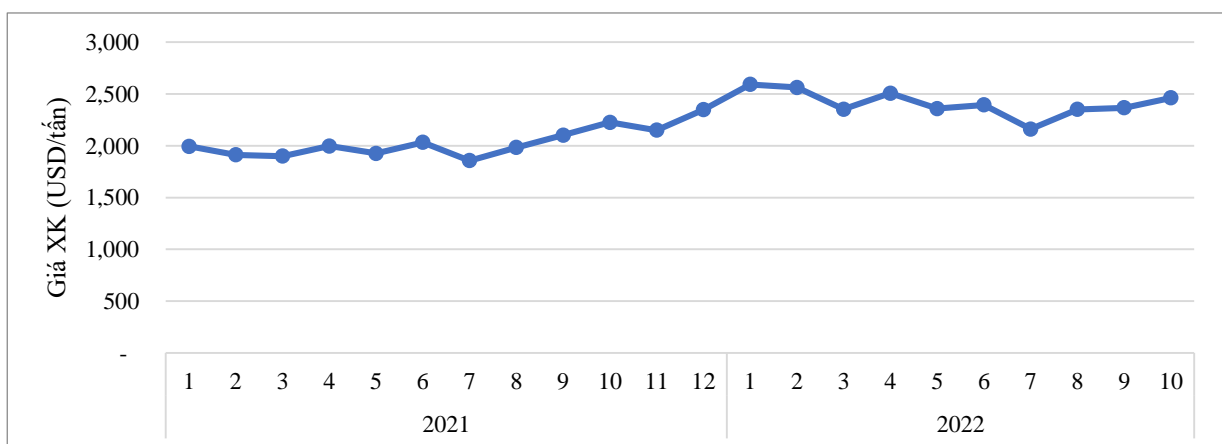
**Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 10/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.462 USD/tấn, tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ**

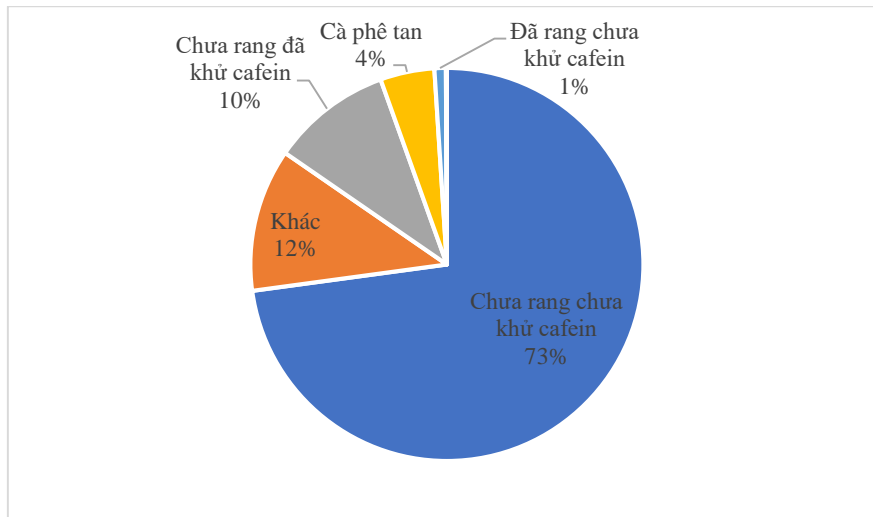


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 10/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 14,9 triệu USD, chiếm 72,9% tổng

giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang đã khử cafein với kim ngạch 2,0 triệu USD, chiếm 9,9 tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê tan và cà phê đã rang chưa khử cafein, chiếm lần lượt 4,5% và 0,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình 8. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 10/2022**

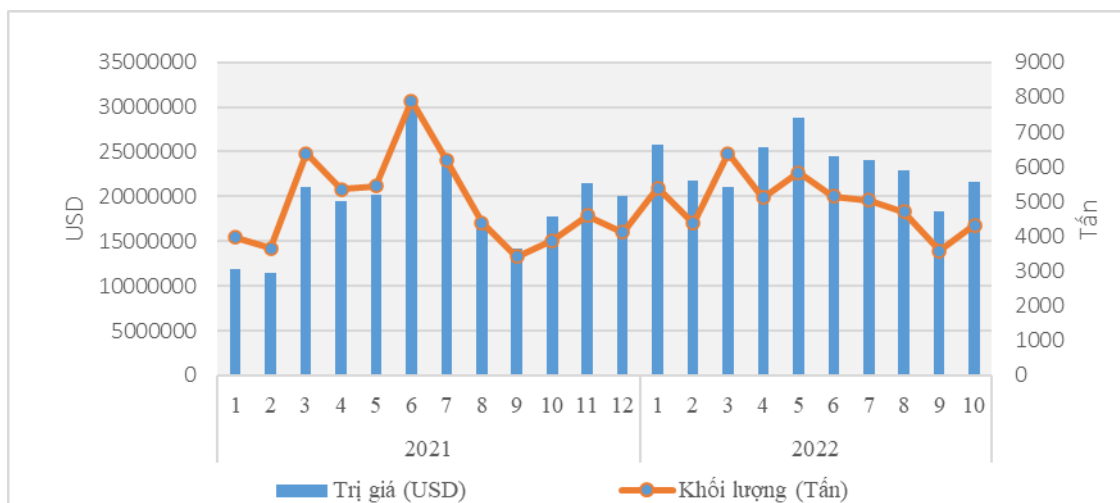


Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 10/2022 đạt 4.319 tấn, tương ứng với 21,59 triệu USD, tăng 20,84% về khối lượng và tăng 18,04% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 11,34% về khối lượng và 21,81% về giá trị.

**Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**

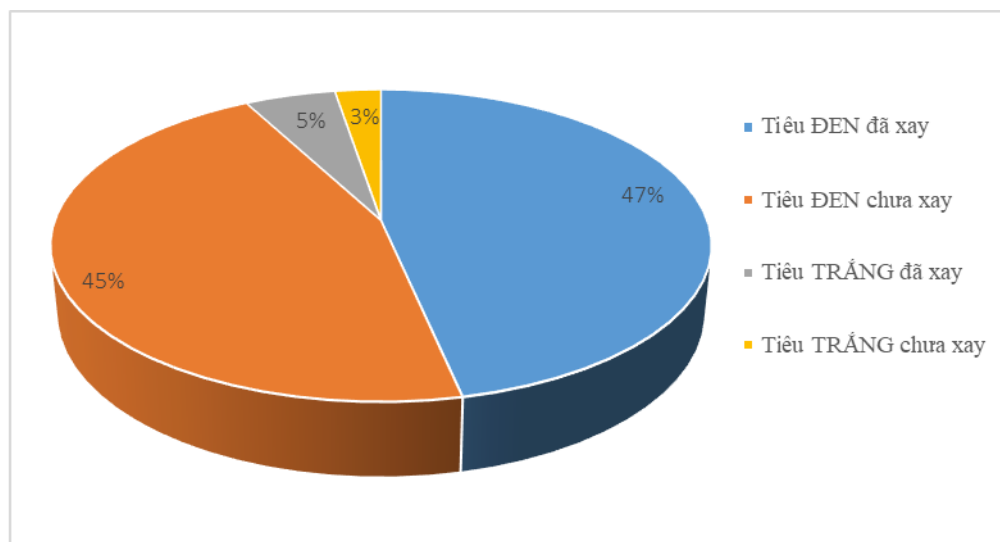


Nguồn: Tổng cục Hải quan



Trong tháng 10/2022, tiêu đen vẫn là mặt hàng chính của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ, trong đó, tiêu đen đã xay chiếm 47% (tăng 28,7% so với tháng trước và 97,7% so với cùng kỳ năm trước), tiêu đen chưa xay chiếm 46% giá trị xuất khẩu sang thị trường này (tăng 28,7% so với tháng trước và giảm 3,8% so với cùng kỳ năm trước). Tiêu trắng đã xay và tiêu trắng chưa xay chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ lần lượt là 5% và 3% tổng giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ.

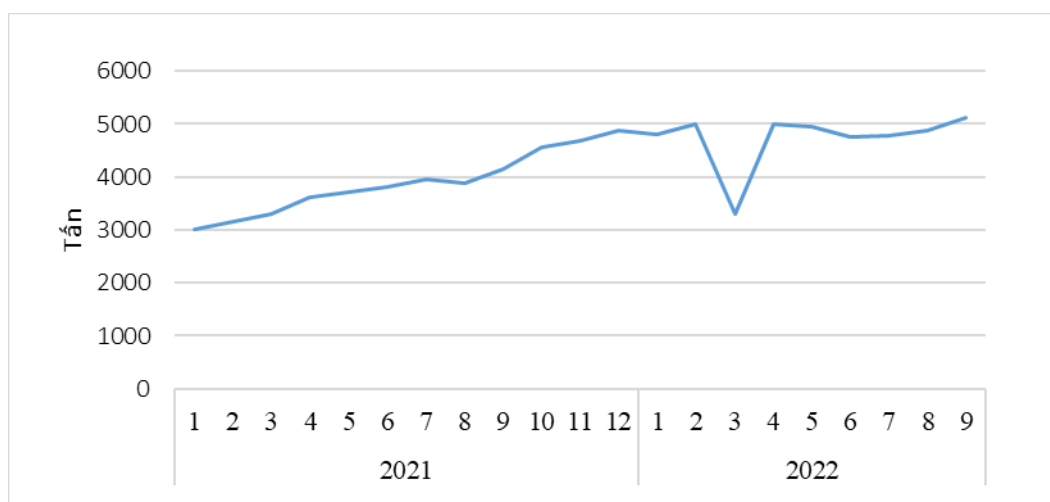
**Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10/2022**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 10/2022 đạt 4.999 USD/tấn, giảm 2,3% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 11: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**



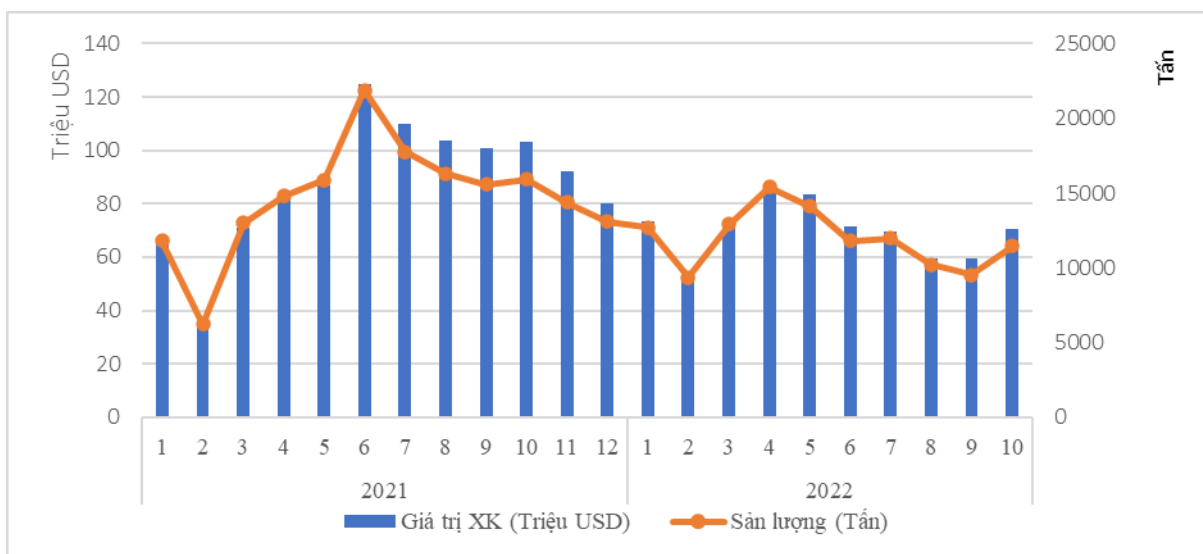
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam



## 5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2022, Việt Nam xuất khẩu được 11.464 tấn điều, trị giá 70,427 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 20,6% về khối lượng và tăng 18,1% về giá trị so với tháng trước; giảm 28% về khối lượng và giảm 31,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch điều xuất khẩu sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2022 đạt 119.415 tấn, trị giá 700,053 triệu USD, giảm 20,6% về khối lượng và giảm 19,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

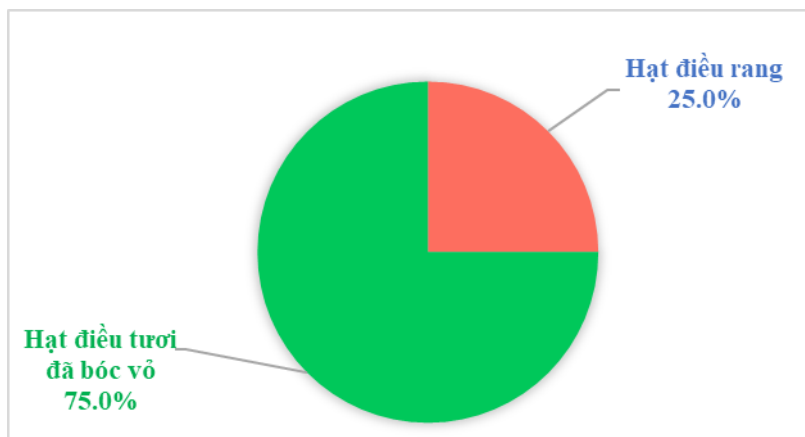
**Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2022, hạt điều Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ và hạt điều rang. Trong đó, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng 75% (tăng 9,6% so với tháng trước và giảm 44,8% so với cùng kỳ năm trước), hạt điều rang chiếm khoảng 25%.

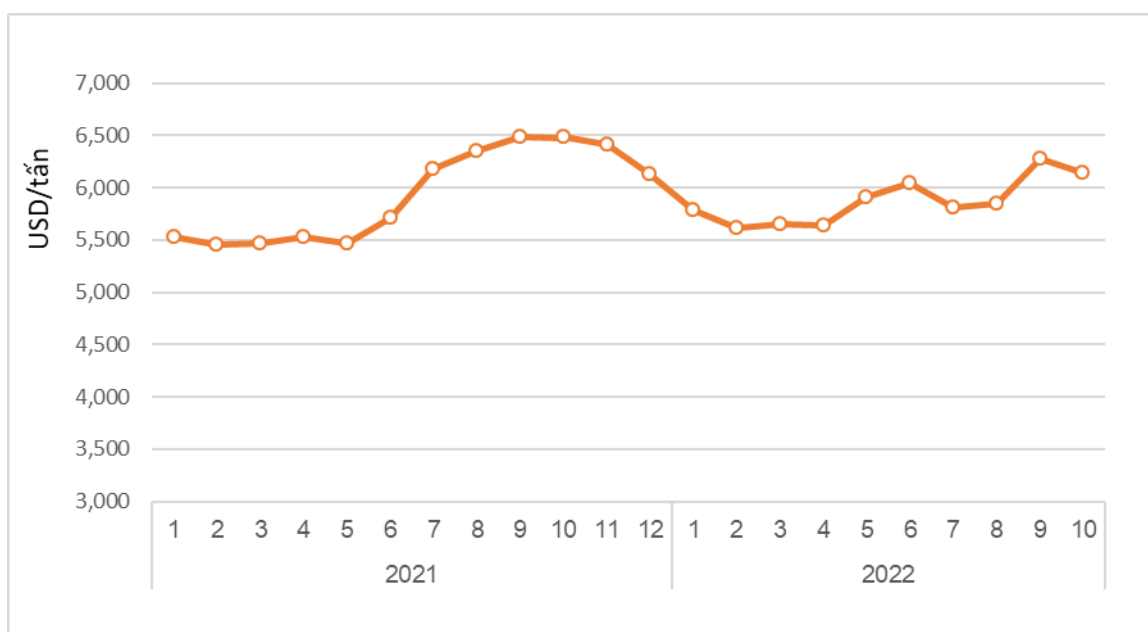
**Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Bình quân giá xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 6.143 USD/tấn, Giảm 2,1% so với tháng trước và giảm 5,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 10/2022 đạt trung bình là 5,91 USD/kg, giảm 0,3% so với tháng trước và giảm 8,3% so với cùng kỳ năm trước.

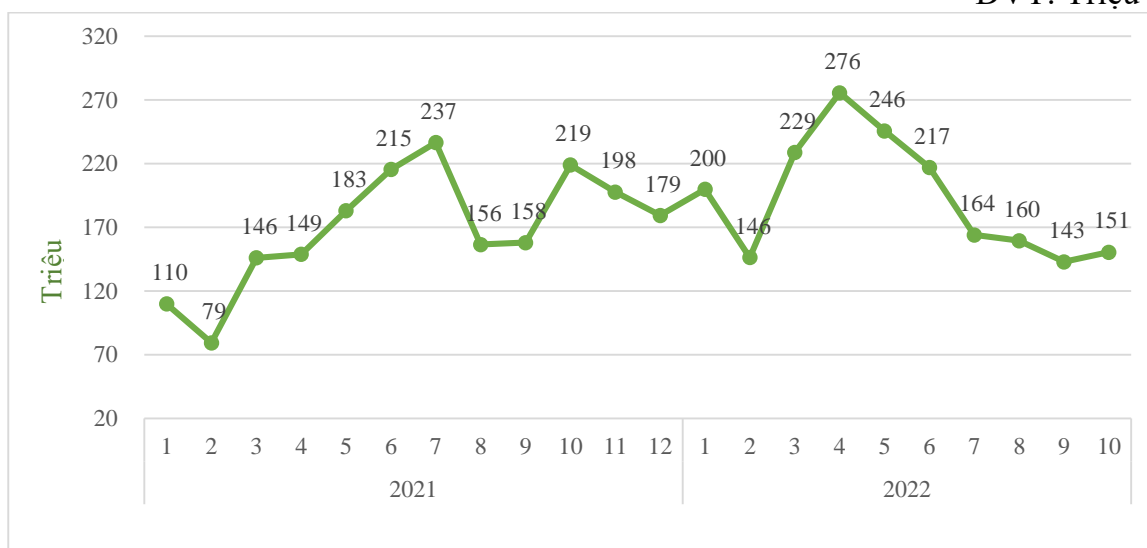
## 6. THỦY SẢN

Lạm phát cao tiếp tục làm giảm doanh thu bán hàng thủy sản của Hoa Kỳ, nhưng mức giảm trong tháng 10/2022 đã chậm lại. Theo thống kê từ IRI và 210 Analytics, mặc dù mức tăng lạm phát tháng 10/2022 thấp hơn, nhưng doanh thu bán hải sản tươi sống và đông lạnh của Hoa Kỳ vẫn bị ảnh hưởng. Theo đó, doanh thu bán hải sản đông lạnh và tươi sống trong tháng 10/2022 đều giảm 3,4% so với cùng kỳ năm trước, mức giảm thấp hơn so với các tháng trước. Tháng 10/2022, thủy sản đông lạnh đạt doanh thu 627 triệu USD, trong khi doanh thu hải sản tươi sống đạt 570 triệu USD. Trong đó, khối lượng tiêu dùng của tăng gần 18% trong tháng 10/2022 khi giá ưu đãi khiến người tiêu dùng đang tăng tiêu thụ cua. Điều này cho thấy nếu giá cả có thể kiểm soát được thì nhu cầu hải sản tươi sống có thể sẽ tăng trở lại. Hải sản luôn được cho là mặt hàng cao cấp, vì vậy khi người tiêu dùng muốn tiết kiệm chi tiêu họ sẽ giảm mua hải sản. Tuy nhiên, có rất nhiều loại hải sản với giá cả phù hợp và được sử dụng như protein thay thế thịt với giá trị dinh dưỡng cao.

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam nhưng có xu hướng giảm. Theo tổng cục hải quan, tháng 9/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 142,9 triệu USD, chiếm 16,6% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1,78 tỷ USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10/2022**

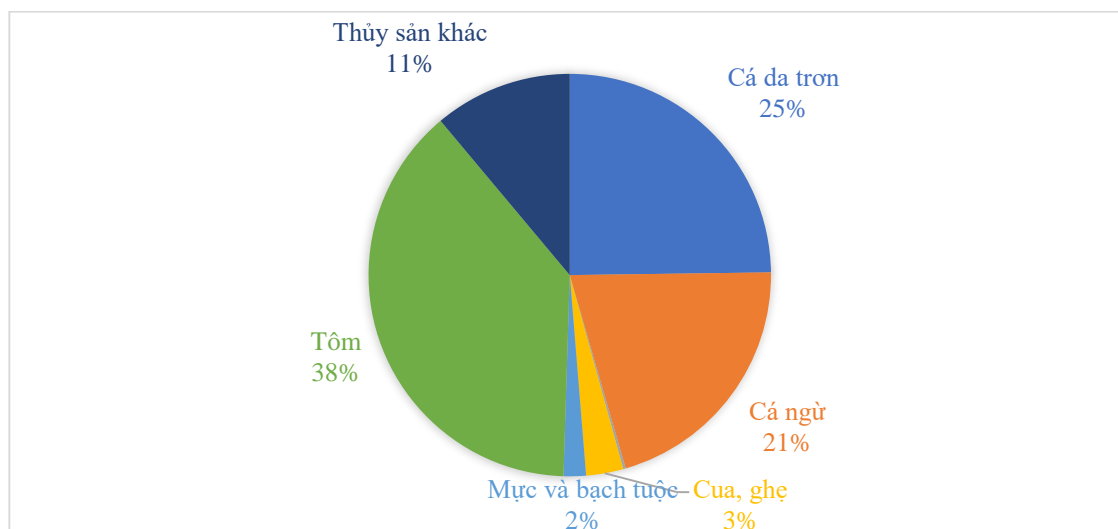
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hoa Kỳ vẫn là thị trường thủy sản lớn nhất của Việt Nam và vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng tăng trưởng trở lại (tăng 5,4%) . Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 10/2022, chiếm 38,4%, cá da trơn chiếm 24,8%.

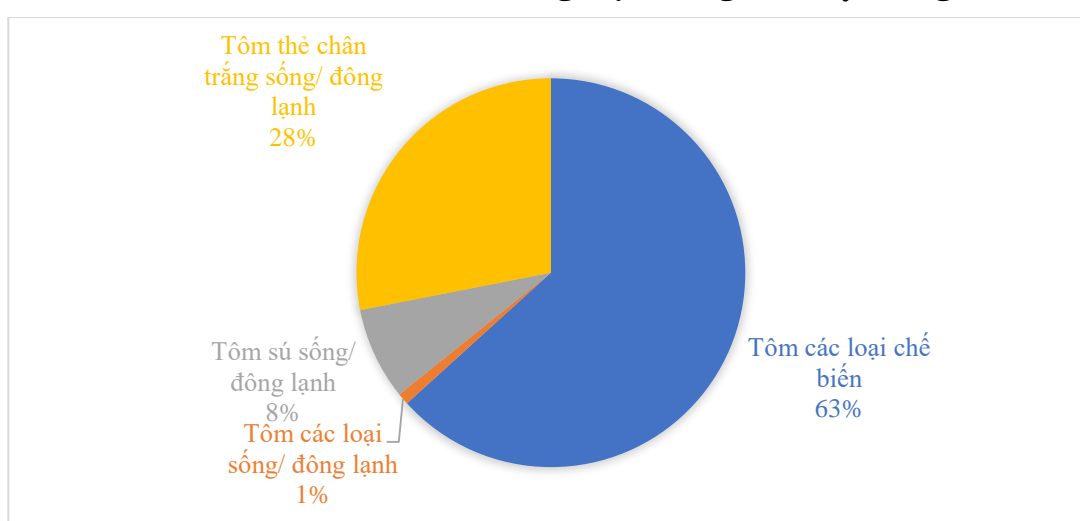
**Hình 16: Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10/2022**



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 10/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 57,6 triệu USD, chiếm 38,4% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, giảm 51% so với tháng 10/2021. Trong đó, tôm chế biến đạt 36,6 triệu USD, chiếm 63,3% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường này, giảm 35,1% so với cùng kỳ năm trước; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 16,2 triệu USD, chiếm 28,1%, giảm 67,2%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 4,4 triệu USD, chiếm 7,7%, giảm 60,4%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,6 triệu USD, chiếm 1%, giảm 40,9%.

**Hình 17: Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10/2022**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 10/2022, giá trị xuất khẩu cá da trơn có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, tăng 16,1% nhưng giảm 11% so với tháng 10/2021. Giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 36,9 triệu USD, giảm 11,4% so với năm 2021 và tăng 85,8% so với tháng 9/2022. Cá tra sống/đông lạnh, trừ phi lê đạt 0,4 triệu USD, tăng 59,7% so với cùng kỳ năm trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 10/2022 như sau: Cá ngừ đạt 31,2 triệu USD, giảm 4,2% so với tháng 10/2021; cua, ghe đạt 4,5 triệu USD, giảm 36,4%; mực bạch tuộc đạt 2,7 triệu USD, giảm 51% và thủy sản khác đạt 16,7 triệu USD, giảm 3,1%.

Tháng 10/2022, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 10,7 USD/kg, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 6,7 USD/kg, giảm 13,81%. Cụ thể:

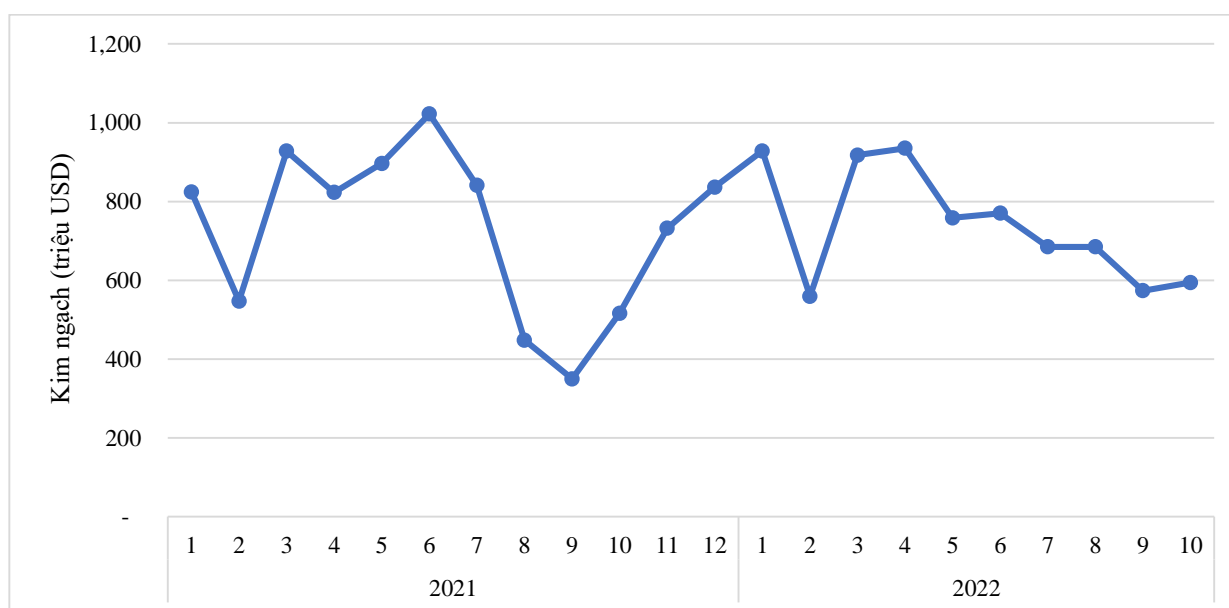
**Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10/2022**

TT	SẢN PHẨM	GIÁ (USD)	SO NĂM TRƯỚC (%)	SO THÁNG TRƯỚC (%)
1	Cá da trơn	6,7	-13,1%	24,6%
2	Cá ngừ	13,8	25,9%	-1,4%
3	Cua, gẹ	17,4	4,5%	-16,4%
4	Mực và bạch tuộc	26,1	60,1%	279,4%
5	Tôm	10,7	-14,6%	-10,4%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

## 7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

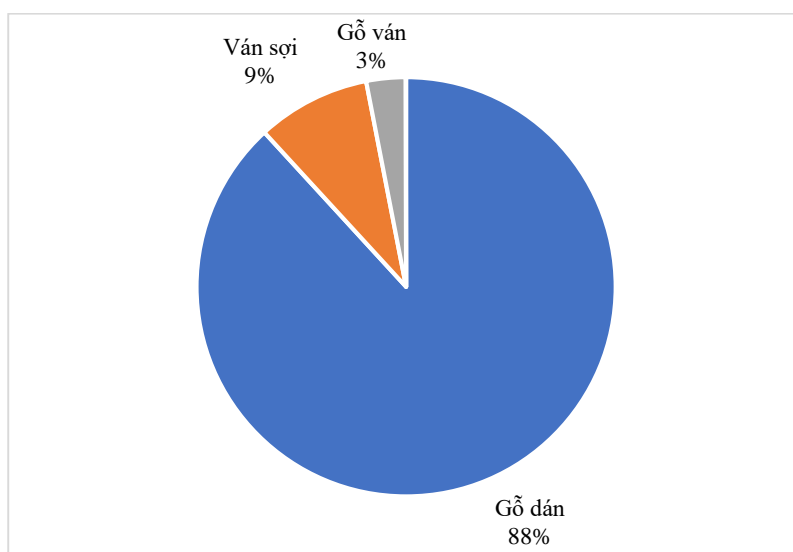
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 594,5 triệu USD, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ**

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,5 triệu USD, chiếm 88,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 940,8 nghìn USD, chiếm 8,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ ván, chiếm 3,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình 19: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 10/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 8. CAO SU

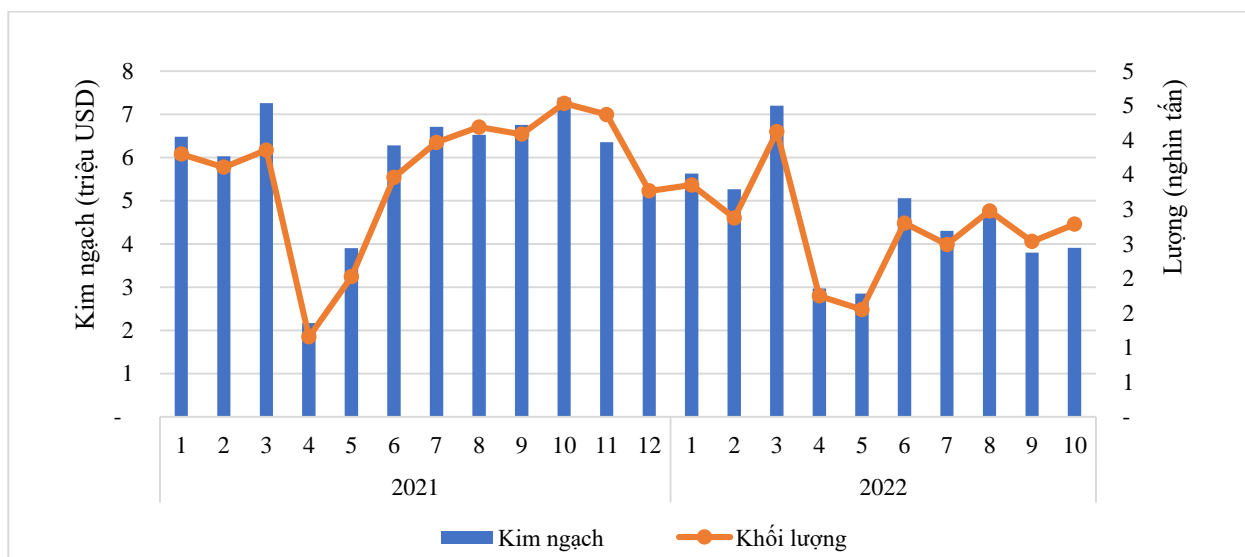
Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 9 tháng đầu năm 2022, Hoa Kỳ nhập khẩu gần 1,57 triệu tấn cao su (HS 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 3,66 tỷ USD, tăng 8,2% về lượng và tăng 23,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 9 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 14 cho Hoa Kỳ với 25.110 tấn, trị giá 44,76 triệu USD, giảm 20,5% về lượng và giảm 20,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ 9 tháng đầu năm 2022 chiếm 1,6%, giảm so với mức 2,2% của 9 tháng đầu năm 2021.

Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ chịu cạnh tranh từ nhiều thị trường, đặc biệt là từ Indonesia (chiếm 26,8% tổng lượng nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ) và Thái Lan (chiếm 14,1% tổng lượng nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ), trong đó thị phần cao su của Thái Lan tăng so với cùng kỳ năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 10/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 2,8 nghìn tấn với trị giá 3,9 triệu USD, tăng 9,9% về khối lượng và 3,0% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu cao su sang Hoa Kỳ giảm 38,6% về khối lượng và 47,0% về giá trị.

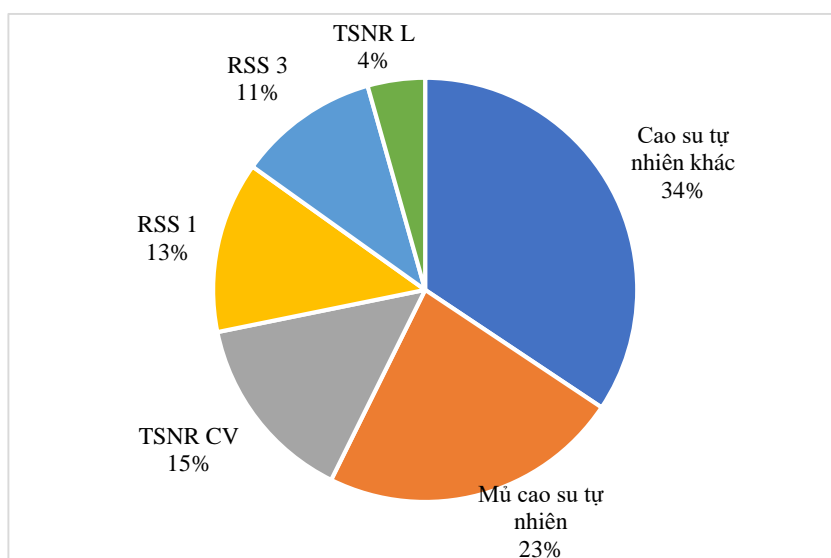
**Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 10/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 914,3 nghìn USD, chiếm 23,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ 2 là TSNR CV với kim ngạch 577,3 USD chiếm 14,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 1 đạt giá trị 520,2 USD chiếm 13,1% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là RSS 3 và TSNR L chiếm lần lượt 10,8% và 4,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình 21: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 10/2022**

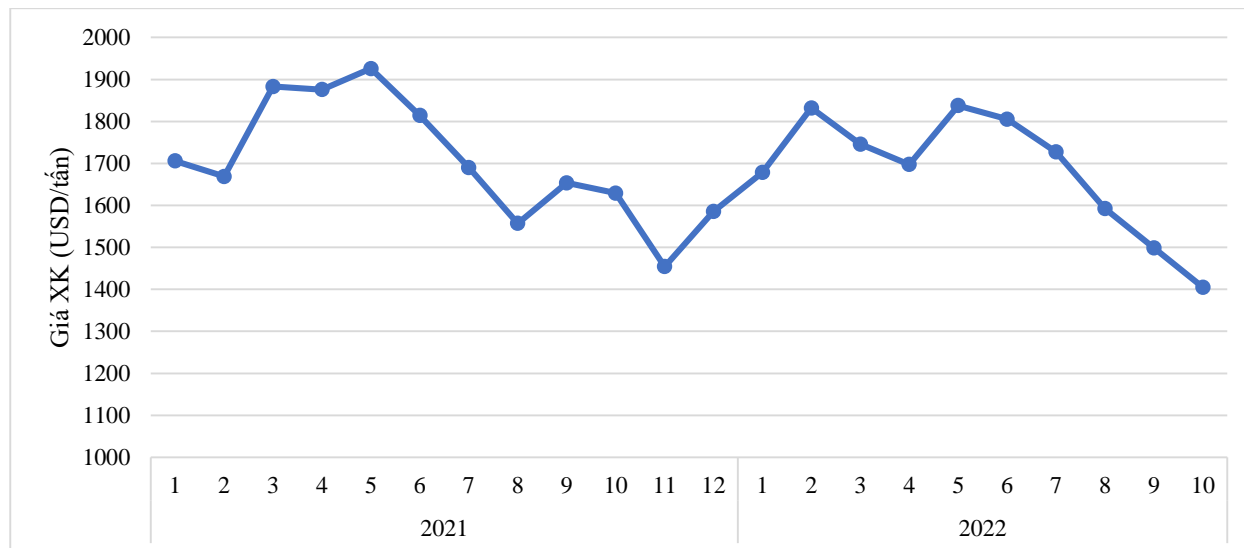


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 10/2022 đạt mức 1.405 USD/tấn, giảm 6,3% so với tháng trước và 13,8% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 22: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Rau quả

Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam, trái cây tươi, chất lượng tốt luôn có giá trị xuất khẩu cao nhưng công nghệ thu hoạch, bảo quản, vận chuyển của Việt Nam còn hạn chế khiến nhiều loại sản phẩm khi đến các thị trường xa như châu Âu, Mỹ không còn tươi ngon, rất khó bán. Chính vì vậy, phát triển công nghệ chế biến không chỉ là phát triển dây chuyền sấy, ép nước... mà còn phải đầu tư cho công nghệ xử lý, bảo quản sau thu hoạch và phát triển logistics phục vụ vận chuyển rau quả.

### 2. Thủy sản

Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn của thủy sản Việt Nam. Nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ sẽ có xu hướng giảm trong nhưng tháng cuối năm do ảnh hưởng của tình hình lạm phát tại quốc gia này. Đơn hàng xuất khẩu thủy sản mới có xu hướng thấp hơn mọi năm, nhiều đơn hàng bị đề nghị hoãn giao hàng, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần chú ý hơn đến chất lượng sản phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh tại thị trường này.

### 3. Gỗ và sản phẩm gỗ

Hoạt động xây dựng nhà ở mới của Hoa Kỳ đã giảm 4,2% trong tháng 10 do lãi suất vay nợ cao khiến người mua hạn chế chi tiêu và buộc các nhà xây dựng phải thu hẹp quy mô, tình trạng này có thể tiếp tục kéo dài trong năm 2023. Thị trường nhà ở tại Hoa Kỳ bắt đầu chậm lại với tốc độ hàng năm là 1,43 triệu vào tháng 10 từ mức 1,49 triệu trong tháng 9. Kéo theo đó, nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất của Hoa Kỳ có thể tiếp tục giảm trong những tháng tới.

### 4. Cao su

Giá nhiên liệu và nhu cầu chung về năng lượng tại Hoa Kỳ dự kiến sẽ giảm và làm giảm áp lực đối với giá cả, đặc biệt là chi phí vận tải. Đây là tín hiệu lạc quan cho việc xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong thời gian tới.

### 5. Gạo

Theo USDA, bang California (Hoa Kỳ) tiếp tục chịu ảnh hưởng của năm thứ ba liên tiếp bị hạn hán. Tình trạng nắng nóng và thiếu nước đã khiến cho nhiều diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng, trong đó có diện tích trồng lúa. Theo thống kê ban đầu, các khu vực trồng lúa chính của Bang như quận Sutter, Colusa và Glenn đã bị ảnh hưởng nặng nề với 267 nghìn mẫu (tương đương 108,1 nghìn ha) đã bị bỏ hoang vì thiếu nước.

## PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 10/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 10/2022 (USD)	Tăng/giảm so T9/2022	Tăng /giảm so T10/2021	Tỷ trọng T10/2022
1	Cà phê	20.518.989	14,9%	-19,1%	2,2%
2	Cao su	3.912.572	3,0%	-47,0%	0,4%
3	Chè	427.438	-36,8%	-67,9%	0,0%
4	Gạo	1.538.231	50,6%	4,0%	0,2%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	594.499.901	3,7%	15,2%	63,7%
6	Hàng rau quả	21.533.274	16,6%	19,4%	2,3%
7	Hàng thủy sản	150.510.165	5,4%	-31,3%	16,1%
8	Hạt điều	70.427.298	18,1%	-31,9%	7,6%
9	Hạt tiêu	21.589.653	18,0%	21,8%	2,3%
10	Mây tre đan	17.258.903	11,7%	-42,1%	1,9%
11	SP từ cao su	24.712.089	10,9%	7,0%	2,6%
12	TĂGS &NL	5.767.610	-29,4%	174,3%	0,6%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>932.696.123</b>			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 10/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 10/2021		Tháng 10/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	1.394	1.272.588	1.122	875.149	-19,5%	-31,2%
2	Gạo Japonica	72	53.233	536	417.913	640,7%	685,1%
3	Các loại gạo khác	218	152.837	414	245.169	89,8%	60,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 10/2022**

TT	Sản phẩm	T10/2021 (USD)	T10/2022 (USD)	So sánh T10.2022/ T10.2021
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>18.027.920</b>	<b>21.533.274</b>	<b>19,4%</b>
1	Dừa	2.083.716	4.155.595	99,4%
2	Thanh long	2.678.908	3.683.289	37,5%
3	Chanh leo	270.440	2.537.177	838,2%
4	Sầu riêng	2.566.064	1.167.185	-54,5%
5	Xoài	584.280	462.652	-20,8%
6	Vú sữa	19.440	134.755	593,2%
7	Nhãn	-	83.848	-
8	Khác	9.825.072	9.308.772	-5,3%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 10/2022**

Mặt hàng	T10/2021 (USD)	T10/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	19.844.616	14.947.955	-24,68%
Khác	1.978.609	2.411.838	21,90%
Cà phê tan	2.944.137	914.639	-68,93%
Chưa rang đã khử cafein	208.320	2.033.796	876,28%
Đã rang chưa khử cafein	387.025	192.769	-50,19%
Đã rang đã khử cafein	2.330	16.560	610,76%
<b>Tổng</b>	<b>25.365.037</b>	<b>20.517.557</b>	<b>-19,11%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 10/2022**

<b>Loại sản phẩm</b>	<b>Tháng 10/2022</b> <b>(USD)</b>	<b>Tháng 10/2021</b> <b>(USD)</b>	<b>So sánh</b> <b>2022/21(%)</b>
Cá da trơn	37.325.689,2	41.923.497,9	-11,0%
Cá ngừ	31.150.283,3	32.508.015,0	-4,2%
Cá rô phi	296.121,0	210.023,7	41,0%
Cua, gẹ	4.479.182,3	7.046.005,6	-36,4%
Mực và bạch tuộc	2.724.988,2	2.974.244,0	-8,4%
Tôm	57.806.312,3	117.944.086,6	-51,0%
Thủy sản khác	16.727.588,7	16.366.788,3	2,2%
<b>Tổng</b>	<b>150.510.165,0</b>	<b>218.972.661,0</b>	<b>-31,3%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*